

Bản án số: 967/2024/DS-PT

Ngày: 28-11-2024

Vv: “Tranh chấp hợp đồng
Thi công xây dựng; Hợp đồng
Dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo
Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đồng
Văn Nam – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
746/2024/TLPT-DS ngày 8 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng; hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án số 179/2024/DS-ST ngày 31/7/2024, của Tòa án nhân dân Quận
4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5462/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng
10 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: ngày 4 tháng 11 năm 2024,
giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Minh D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A Đường D,
Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Đặng Thị Ánh N, sinh năm: Địa chỉ: Số H Đường Đ, phường H, Tp.
T, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Đặng Thụy V, sinh năm: Địa chỉ: Số G Đường N, Phường M,
Quận G, Tp. Hồ Chí Minh (Đều có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Nhựt Phương U, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số A Đường
H, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trương Văn T - công ty
Luật TNHH GOV & Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số X Đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng N. Địa chỉ: Số K Đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Phan Thanh H – Giám đốc - đại diện (vắng mặt).

2. Công ty TNHH xây dựng xử lý nền móng M. Địa chỉ: Số N ấp K, xã N, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Nguyễn Mạnh Dũng – Giám đốc - đại diện (vắng mặt).

3. Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số A Đường H, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn bà Nguyễn Nhựt Phương U kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Minh D và người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị Ánh N, Lê Đặng Thụy V trình bày:

Ngày 30/6/2017, ông D và bà U đã ký kết hợp đồng xây dựng nhà ở cho bà U tại địa chỉ Số A Đường H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D chỉ nhận thi công phần thô và nhân công hoàn thiện. Phần vật tư hoàn thiện do chủ nhà mua (gạch ốp lát, sơn nước, thiết bị chiếu sáng, cửa...) với tổng diện tích xây dựng là 437m² gồm: diện tích được tính 100% là 200m²; tính 50% là 162m²; tính 30% là 75m² (móng). Thực tế, ông D đã thi công: Diện tích tầng trệt; lầu 1; lầu 2; sân thượng và mái là 271m²; Diện tích phần móng 75m²; thi công phần đổ BTCT nền tầng trệt (đã bao gồm sân): 75m². Tổng diện tích thi công 03 hạn mục nêu trên là: 430m², chi phí: 899.610.000 đồng. Trong thời gian thi công, do quá bận rộn nên ông D đã nhờ lại đơn vị xây dựng là Công ty TNHH Xây Dựng N có trụ sở tại Số X, Đường P, Phường Z, Quận T, thi công với diện tích xây dựng là 343,5m². Ông D vẫn thi công đúng diện tích xây dựng nhà theo đúng giấy phép xây dựng số 770/GPXD do UBND Quận 4 cấp cho bà U. Ngày 16/01/2018, bên thi công đã hoàn tất và bàn giao công trình nhưng bên chủ nhà không thanh toán với lý do bên thi công không làm đúng diện tích xây dựng vì chủ nhà không chịu tính phần chi phí thi công diện tích móng là 72m² (diện tích móng trong giấy phép xây dựng không có ghi).

Ngoài ra, phía chủ nhà bà U còn nhờ ông D đứng ra liên hệ để mua và nhận gạch lát sàn và các vật tư hoàn thiện của Công ty T với số tiền còn lại chưa thanh toán là 55.132.000 đồng. Trong khi thi công có phần phát sinh ốp gạch sân thượng, sân tầng trệt và phát sinh phần thi công diện tích và nhân công ngoài hợp đồng. Ông D khởi kiện yêu cầu bà U thanh toán số tiền còn lại gồm:

Tiền nhân công còn lại của hợp đồng: 89.532.000 đồng. Thỏa thuận miệng ngoài hợp đồng: Tiền gạch ốp lát và vật tư hoàn thiện: 55.132.000 đồng. (Mua dùm của Công ty T). Tiền nhân công phát sinh phần gạch ốp tường toàn bộ sân

thượng và sân tầng trệt: 5.760.000 đồng. Tiền phát sinh phần xây dựng tầng trệt: $6,5m^2 \times 1.475.000đ = 9.587.500$ đồng. Tổng cộng số tiền thỏa thuận ngoài hợp đồng (chủ nhà nhờ làm hộ) là: 70.479.500 đồng. Tổng cộng số tiền còn lại chưa trả là: 160.011.500 đồng.

Ông D đồng ý với kết quả kiểm định của Công ty T1 và bổ sung yêu cầu: Bị đơn bà U thanh toán tiền lãi theo lãi suất vay ngân hàng Agribank là 10%/năm (0,875%/1 tháng) đối với số tiền bị đơn phải bồi thường tính từ khi ông D khởi kiện cho đến khi vụ án được xét xử. Cụ thể: Phần nợ gốc: 160.011.500 đồng; Phần lãi: $0,875\% \times 160.011.500$ đồng = 1.400.100 đồng (mỗi tháng); $1.400.100$ đồng $\times 72$ tháng = 100.807.200 đồng.

Tổng cộng số tiền ông D yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 260.818.700 đồng. Do bị đơn không thanh toán số tiền thi công còn lại trong hợp đồng nên ông D sẽ không chịu trách nhiệm về vấn đề kỹ thuật xây dựng và bảo quản căn nhà Số A Đường H, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn. Do bị đơn chưa thanh toán đủ số tiền còn thiếu theo hợp đồng nên ông chưa thanh toán số tiền còn thiếu theo hợp đồng cho ông Phan Thanh H. Số tiền còn thiếu này ông và ông H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại biên bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Nguyễn Nhị Phương U trình bày:

Ngày 30/6/2017, bà U có ký Hợp đồng xây dựng với ông D để xây căn nhà số Số A Đường H, Phường B, Quận C. Nhưng do ông D không có bằng kỹ sư, không có công ty nên sẽ không được chính quyền địa phương chấp nhận để hoàn công sau này nên ông D đã thuyết phục bà U ký hợp đồng với Công ty N để bảo đảm hoàn thiện thủ tục hoàn công nhà với diện tích thi công là $252,23m^2$ (thực tế diện tích thi công là: $255,8m^2$) với tổng giá trị thi công là 729.030.000 đồng.

Trong quá trình thi công, ông D nhiều lần không trung thực, gian dối, khai không: Về diện tích thi công thực tế $255,8m^2$ ông D kê lên là $424m^2$, ép cọc số tiền 97.760.000 đồng nhưng ông D lấy 125.000.000 đồng, tiền cát đổ móng: Nhận 16.500.000 đồng nhưng không đổ cát... thậm chí là thi công không đảm bảo chất lượng như: Nhà có nhiều vết nứt, gạch sân thượng bị bong tróc, chưa tô trần nhà, chưa ốp gạch tường nhà đầy đủ, các lam cổng bị oằn và không bàn giao nhà đúng hạn. Bà U đã thanh toán cho ông D tổng cộng là 822.292.500 đồng, nhiều hơn số tiền hai bên thỏa thuận. Ngoài ra, bà U còn đưa thêm 50.000.000 đồng tiền mua thiết bị vệ sinh cho ông D.

Bà U không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn vì đã thanh toán hết tiền công xây dựng và thanh toán dư cho ông D. Còn tiền gạch vật tư phát sinh và tiền công hoàn thiện phát sinh thêm là không có, do các hạn mục thi công này đều nằm trong thỏa thuận phải thi công nhà và hai bên cũng không thỏa thuận phát sinh gì thêm ngoài phần thi công trong hợp đồng đã thống nhất.

Bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nhưng không có yêu cầu kiểm định về hư hỏng nhà. Nay bà U yêu cầu: Ông D phải trả lại số tiền đã nhận thừa gồm: 93.262.000 đồng ($822.292.000$ đồng – $729.030.000$ đồng). Số tiền ép cọc chênh

lệch đã nhận: 27.240.000 đồng (125.000.000 – 97.760.000) đồng; số tiền đã nhận để đổ cát nâng nền nhưng không đổ cát: 16.500.000 đồng. Ông D phải trả lại số tiền công đã nhận để ốp gạch tường cho tầng trệt, lầu 1, lầu 2: 18.000.000 đồng. Tiền bà U đã thuê nhà ở do ông D chưa bàn giao mặt bằng là 56.000.000 đồng (từ 01/2018 – 07/2018 là 07 tháng x 8.000.000 đồng) Trả lại số tiền 15.000.000 đồng bà U đã sửa 2 lam cửa trước do bị oằn. Tổng cộng là: 222.002.000 đồng. Bà không đồng ý với kết quả đo đạc, kiểm định công ty T1 vì tổng diện tích nhà thực tế chỉ là 236,9 m² chứ không phải 346,52 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Thanh P trình bày: thống nhất với ý kiến của bà U.

Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 09/7/2028, ông Phan Thanh H trình bày: Ông H là người trực tiếp thi công nhà bà U. Việc hai bên ông D và bà U tranh chấp ông H không có ý kiến. Ông H chỉ muốn ông D trả ông H 91.745.500 đồng tiền thi công còn thiếu. Tiền cát đổ nền là không có đổ, trần nhà không tô. Ông H sẽ tự giải quyết số tiền ông D còn nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bà U thanh toán số tiền còn lại gồm: Tiền nhân công còn lại của hợp đồng: 52.093.000 đồng; tiền gạch ốp lát, tiền vật tư hoàn thiện: 55.132.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất vay Ngân hàng Agribank là 10%/năm đối với số tiền bị đơn phải bồi thường tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày 26/7/2024 là 77 tháng, cụ thể là 35.000.000 đồng. Tổng cộng là: 143.269.861 đồng. Bị đơn vẫn giữ ý kiến, giữ yêu cầu phản tố và không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân Quận 4 đã quyết định (Tóm tắt) tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Phan Minh D như sau:

1.1. Buộc bà Nguyễn Nhy Phương U thanh toán cho ông Phan D Minh số tiền nhân công còn lại theo Hợp đồng đồng thi công xây dựng công trình phần thô ngày 30/6/2017 là 964.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Nhy Phương U thanh toán tiền gạch ốp lát, tiền vật tư hoàn thiện: 55.132.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất vay Ngân hàng Agribank là 10%/năm đối với số tiền bị đơn phải bồi thường tính từ ngày khởi kiện (31/01/2018) cho đến ngày 26/7/2024 là 77 tháng nhưng ông D tự nguyện chỉ tính: 35.000.000 đồng. Tổng cộng là: 91.096.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn thanh toán tiền nhân công phát sinh phần gạch ốp tường toàn bộ sân thượng và sân tầng trệt là 5.760.000 đồng. Tiền phát sinh phần xây dựng tầng trệt 6.5m² x 1.475.000 đồng = 9.587.500 đồng.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Nguyễn Nhy Phương U: Buộc Nguyên đơn là ông Phan Minh D thanh toán cho bà U số tiền cát nâng nền đã nhận nhưng thực tế không đổ cát là 16.500.000 đồng.

1.3 Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Nhy Phương U về việc yêu cầu nguyên đơn: Trả lại cho bà U số tiền đã nhận thừa là 93.262.000

đồng. Tiền ép cọc chèn lệch đã nhận là 23.240.000 đồng; Tiền công ốp gạch tường chưa thi công cho tầng trệt, lầu 1, lầu 2 là 18.000.000 đồng; Tiền bị đơn thuê nhà do chưa bàn giao mặt bằng từ tháng 01/2018 - tháng 7/2018 là 07 tháng x 8.000.000 đồng= 56.000.000 đồng; Tiền sửa chữa 2 làm cửa trước và cửa sau do bị oằn là 15.000.000 đồng. Tổng cộng: 205.502.000 đồng.

Ngày 04/11/2024, Tòa án nhân dân Quận 4 ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 179/2024/QĐ-SCBSBA ngày 31/7/2024, của Tòa án nhân dân Quận 4 như sau:

1. Tại dòng thứ 17 từ dưới lên trang 07 của Bản án nêu trên đã ghi: “= 964.000 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “= 53.137.861 đồng”.

2. Tại dòng thứ 18 từ dưới lên trang 07 của Bản án nêu trên đã ghi: "còn phải thanh toán là: 823.256.500". Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “còn phải thanh toán là: 875.430.361” .

3. Tại dòng thứ 20 từ dưới lên trang 07 của Bản án nêu trên đã ghi: “tổng cộng số tiền là: 823.256.500”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “tổng cộng số tiền là: 875.430.361”.

4. Tại dòng thứ 25 từ dưới lên trang 07 của Bản án nêu trên đã ghi: “437m²”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “430 m²”.

5. Tại dòng thứ 26 từ dưới lên trang 07 của Bản án nêu trên đã ghi: “271,36 m²”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “421,68 m²”.

6. Tại dòng thứ 09 từ dưới lên trang 09 của Bản án nêu trên đã ghi “ông Phan D Minh”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “ông Phan Minh D”.

7. Tại dòng thứ 07 từ dưới lên trang 09 của Bản án nêu trên đã ghi: “964.000 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “53.137.861 đồng”.

8. Tại dòng thứ 01 từ dưới lên trang 09 của Bản án nêu trên đã ghi: “91.096.000 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “143.269.861 đồng”.

9. Tại dòng thứ 11,12,13,14,15,16,17 từ dưới lên trang 10 của Bản án nêu trên đã ghi: “Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền nhân công còn lại theo hợp đồng thi công xây dựng công trình phần thô ngày 30/6/2017 không được chấp nhận là: 52.093.000 đồng - 964.000 đồng = 51.129.000 đồng.

10. Nguyên đơn phải nộp án phí đối với số tiền yêu cầu phản tố được chấp nhận của bị đơn là: 825.000 đồng. Tổng số tiền án phí nguyên phải chịu là “3.381.450 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Tổng số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là: 825.000 đồng”.

11. Tại dòng thứ 06 từ dưới lên trang 10 của Bản án nêu trên đã ghi: “Nguyên đơn được trả lại: 5.577.434 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Nguyên đơn được trả lại: 8.133.284 đồng”.

12. Tại dòng thứ 04 từ dưới lên trang 10 của Bản án nêu trên đã ghi: “4.554.800”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “5.322.175”.

13. Tại dòng thứ 11 từ dưới lên trang 10 của Bản án nêu trên đã ghi: “thêm 9.279.900 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau “thêm: 10.047.275 đồng”.

14. Tại dòng thứ 21, 22 từ dưới lên trang 11 của Bản án nêu trên đã ghi: “ông Phan D Minh”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “ông Phan Minh D”.

15. Tại dòng thứ 20 từ dưới lên trang 11 của Bản án nêu trên đã ghi là

“964.000 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “là 53.137.861 đồng”.

16. Tại dòng thứ 14 từ dưới lên trang 11 của Bản án nêu trên đã ghi: “Tổng cộng là 91.090.000 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Tổng cộng là 143.269.861 đồng”.

17. Tại dòng thứ 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “Án phí đối với số tiền nhân công còn lại theo hợp đồng thì công xây dựng công trình phần thô ngày 30/6/2017 không được chấp nhận là 52.093.000 đồng - 964.000 đồng = 51.129.000 đồng. Án phí đối với số tiền yêu cầu phản tố được chấp nhận của bị đơn là: 825.000 đồng Tổng số tiền nguyên đơn phải chịu là 3.381.450 (Ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn bốn trăm năm mươi) đồng.”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Tổng số tiền nguyên đơn phải chịu là: 825.000 (Tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng”.

18. Tại dòng thứ 16 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “nguyên đơn đã nộp tổng cộng là: 8.958.884 đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Nguyên đơn đã nộp tổng cộng là: 8.958.284 đồng”.

19. Tại dòng thứ 20, 21 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “Nguyên đơn được trả lại: 5.577.434 (Năm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Nguyên đơn được trả lại 8.133.283 (Tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng”.

20. Tại dòng thứ 23, 24 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “Án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 4.554.800 (Bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm) đồng. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 5.322.175 (Năm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng”.

21. Tại dòng thứ 27, 28 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “Tổng số tiền án phí bị đơn phải nộp là: 14.829.900 (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm) đồng. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “ Tổng số tiền án phí bị đơn phải nộp là: 17.438.593 (Mười bảy triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn năm trăm chín mươi ba) đồng”.

22. Tại dòng thứ 30, 31 từ trên xuống trang 12 của Bản án nêu trên đã ghi: “Bị đơn phải nộp thêm: 9.279.900 (Chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm) đồng”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Bị đơn phải nộp thêm: 10.047.275 (Mười triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án dân sự.

Ngày 14/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Nhị Phương U kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2024/DS-ST ngày 31/7/2024, của Tòa án nhân dân Quận 4. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Phạm Minh D); chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Với lý do quyết định của Bản án sơ thẩm không khách quan, áp dụng sai pháp luật, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, nhưng các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Nhị Phương U; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Đăng Thụy V (vợ nguyên đơn), bà Đặng Thị Ánh N đồng ý thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Nhị Phương U đồng ý trả cho nguyên đơn ông Phan Minh D số tiền 50.000.000 đồng; số tiền này đã được bị đơn bà U chuyển ngay vào tài khoản số 79966686 Ngân hàng Quân Đội của bà Lê Đăng Thụy V là đại diện theo ủy quyền (Vợ ông D) nhận thay. Bà Vy đã có biên bản ngày 28/11/2024, xác nhận đã nhận được số tiền 50.000.000 đồng bà U đã chuyển vào tài khoản nêu trên. Nguyên đơn ông D và bị đơn bà U thống nhất hai bên không phải thanh toán cho nhau bất cứ khoản tiền nào khác liên quan đến việc thi công xây dựng căn nhà Số A Đường H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng ngày 30/6/2017 và hợp đồng dịch vụ đã ký và thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Phan Minh D và bà Nguyễn Nhị Phương U. Ông D phải có nghĩa vụ hoàn thành biên bản bàn giao công trình thi công nhà số Số A Đường H, Phường B, Quận C cho bà U trong ngày 29/11/2024. (Giao biên bản cho Tòa án; hoặc Luật sư Tuấn của bị đơn).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; vì việc thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 4 theo hướng như trên. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thời hạn kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Nhị Phương U nộp đơn kháng cáo và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Về quan hệ tranh chấp: Từ yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng; hợp đồng dịch vụ*” là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Nhị Phương U đồng ý trả cho nguyên đơn ông Phan Minh D số tiền 50.000.000 đồng; số tiền này đã được bị đơn bà U chuyển ngay vào tài khoản số 79966686 Ngân hàng Quân Đội của bà Lê Đăng Thụy V là đại diện theo ủy quyền (Vợ ông D) nhận thay. Bà Vy đã có biên bản ngày 28/11/2024 xác nhận đã nhận được số tiền 50.000.000 đồng bà U đã chuyển vào tài khoản nêu trên; bà Vy xác nhận ông D đã được bà Vy thông báo thỏa thuận này hoàn toàn đồng ý. Nguyên đơn ông D và bị đơn bà U thống nhất hai bên không phải thanh toán cho nhau bất cứ khoản tiền nào khác liên quan đến việc thi công xây dựng căn nhà Số A Đường H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng ngày 30/6/2017 đã ký và hợp đồng dịch vụ đã thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Phan Minh D và bà Nguyễn Nhị Phương U. Ông D phải có nghĩa vụ hoàn thành biên bản bàn giao công trình thi công nhà số Số A Đường H, Phường B, Quận C cho bà U trong ngày 29/11/2024. (Giao biên bản cho bị đơn hoặc Luật sư Tuấn của bị đơn).

[2.1] Từ nội dung thỏa thuận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt BLTTDS), Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này và sửa Bản án dân sự sơ thẩm. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc sửa chữa, bổ sung Bản án phải đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS.

[2.2] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát; quan điểm của Luật sư bên bị đơn.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên như án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do các bên thỏa thuận được tại phiên tòa phúc thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo thỏa thuận: Bị đơn phải chịu 2.500.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 5.550.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0009242 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án Quận 4 ; bị đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Nguyên đơn được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tổng cộng là: 8.958.884 đồng, theo biên lai thu số AG/2014/008695 (2.239.000 đồng) ngày 08/3/2018; Biên lai thu số AG/2014/008696 (1.726.000 đồng) ngày 08/3/2018 và biên lai thu số 0034241 (4.993.284 đồng) ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 148, 296; các Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 385, 468; các Điều 513, 519 của Bộ luật dân sự 2015; Luật Xây dựng năm 2014;

Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi bổ sung năm 2014).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2024/DS-ST ngày 31/7/2024, của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bị đơn bà Nguyễn Nhựt Phương U đồng ý trả cho nguyên đơn ông Phan Minh D số tiền 50.000.000 đồng; số tiền này đã được bị đơn bà U chuyển ngay vào tài khoản số 79966686 Ngân hàng Quân Đội của bà Lê Đặng Thụy V là đại diện theo ủy quyền (Là vợ ông D) nhận thay. Bà Vy đã có biên bản ngày 28/11/2024 xác nhận đã nhận được số tiền 50.000.000 đồng bà U đã chuyển vào tài khoản nêu trên; bà Vy xác nhận ông D đã được bà Vy thông báo thỏa thuận này hoàn toàn đồng ý.

2. Nguyên đơn ông Phan Minh D và bị đơn bà Nguyễn Nhựt Phương U thống nhất hai bên không phải thanh toán cho nhau bất cứ khoản tiền nào khác liên quan đến việc thi công xây dựng căn nhà Số A Đường H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng ngày 30/6/2017 đã ký và hợp đồng dịch vụ đã thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Phan Minh D và bà Nguyễn Nhựt Phương U.

3. Nguyên đơn ông Phan Minh D phải có nghĩa vụ hoàn thành biên bản bàn giao công trình thi công nhà số Số A Đường H, Phường B, Quận C cho bà U trong ngày 29/11/2024. (Giao biên bản này cho bị đơn hoặc Luật sư Tuấn của bị đơn).

4. *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải cùng chịu $\frac{1}{2}$ chi phí kiểm định. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí kiểm định nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí kiểm định là: 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

5. *Về án phí:*

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Nhựt Phương U phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số : 0006593 ngày 19/8/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 2.500.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 5.550.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0009242 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án Quận 4 ; bị đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Nguyên đơn được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí

sơ thẩm đã nộp tổng cộng là: 8.958.884 đồng, theo biên lai thu số AG/2014/008695 (2.239.000 đồng) ngày 08/3/2018; Biên lai thu số AG/2014/008696 (1.726.000 đồng) ngày 08/3/2018 và biên lai thu số 0034241 (4.993.284 đồng) ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC, TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hòa